

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 28/6/2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Bính
 2. Bà Lưu Thị Thôi

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Khuê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết .

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Trần Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 22/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-DS ngày 13/5/2019 quyết định hoãn phiên tòa số 156 ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công Ty TNHH Q

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của tổng giám đốc: Ông Nguyễn Xuân K – sinh năm 1961

Địa chỉ trụ sở: Lô E2/1 khu dân cư B, thôn L, xã H, huyện H, tỉnh B(có mặt).

2. Bị đơn: Doanh nghiệp tư nhân S

Chủ doanh nghiệp tư nhân : Ông Trương Thanh P – sinh năm 1982

Địa chỉ trụ sở: 107 T, khu phố S, phường Đ, thành phố P, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên**

tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Q trình bày: công ty và doanh nghiệp tư nhân S thực hiện giao dịch mua bán vật liệu xây dựng (sắt, xi măng, gạch, đá). Trong quá trình giao dịch, tính từ ngày 11/12/2017 đến ngày 05/2/2018 doanh nghiệp tư nhân S còn nợ công ty 31.368.000 đồng. Nhiều lần nhắc nợ nhưng doanh nghiệp tư nhân S vẫn chưa thanh toán. Để bảo vệ quyền lợi của mình, công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu doanh nghiệp tư nhân S thanh toán 31.368.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và tính lãi chậm trả từ ngày nộp đơn khởi kiện 07/12/2018, theo mức lãi suất quá hạn là 13,5%/năm.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn, ông Trương Thanh P, chủ doanh nghiệp tư nhân S không đến Tòa án, không nộp bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã đảm bảo cho việc ra quyết định đúng pháp luật; về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH Q khởi kiện doanh nghiệp tư nhân S yêu cầu trả tiền mua bán vật liệu xây dựng. Doanh nghiệp tư nhân S có địa chỉ trụ sở tại khu phố S, phường Đ, thành phố P. Cả hai doanh nghiệp đều có đăng ký kinh doanh, giao dịch vì mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt, do đó HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 công ty TNHH Q yêu cầu bị đơn trả tiền mua vật liệu xây dựng là 31.368.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 08/2/2018 đến nay là mức 1,125% tháng. Tại phiên tòa công ty TNHH Q xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua vật liệu xây dựng là 31.368.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là 07/12/2018 với mức lãi suất quá hạn 1,125%

tháng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện do đó HĐXX xem xét giải quyết.

[4] Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ đều thể hiện: Tại bản đối chiếu công nợ ngày 07/2/2018 ông Trương Thanh P, chủ doanh nghiệp tư nhân S, xác nhận còn nợ ông ty TNHH Q số tiền mua vật liệu xây dựng là 31.368.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ toàn bộ chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không phản đối, không đến tòa án trình bày ý kiến. Do đó việc khởi kiện yêu cầu trả nợ tiền mua vật liệu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi chậm trả, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi chậm trả. Theo Điều 306 Luật thương mại, hiện nay mức lãi suất trung bình của 3 ngân hàng gồm: ngân hàng TMCP công thương Việt Nam là 9,5%/năm, ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam là 8.5%, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 10,5%. Tiền lãi trung bình của ba ngân hàng là 9,5%/năm. Nguyên đơn yêu cầu mức 9%/năm và quá hạn là 150% mức trong hạn là hợp lý nên được chấp nhận. Từ ngày 07/12/2018 đến ngày xét xử vụ án 28/6/2019 là 6 tháng 21 ngày, tiền lãi chậm trả là 2.364.363 đồng.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 27 Nghị quyết quy định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số, ông Trương Thanh P, chủ DNTN S phải nộp 3.000.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, điều 90, khoản 1 Điều 244, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Điều 24, 306 Luật thương mại;
- Khoản 1 Điều 183 Luật doanh nghiệp năm 2014
- điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Q: Buộc chủ doanh nghiệp tư nhân S là ông Trương Thanh P phải trả cho công ty TNHH Q 31.368.000 đồng (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền mua vật liệu xây dựng, tiền lãi chậm trả từ ngày 07/12/2018 đến ngày 28/6/2019 là 2.364.363 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2019 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nếu bị đơn chưa thanh toán tiền thì phải chịu tiền lãi chậm thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn là 13,5%/năm.

* Về án phí: ông Trương Thanh P, chủ doanh nghiệp tư nhân S phải nộp 3.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Trả lại cho công ty TNHH Q 870.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0023955 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (28/6/2019), đối với bị đơn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.PT;
- TAND tỉnh Bình Thuận
- Chi cục THADS PT;
- Công TTĐT TAND tối cao
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Lê Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA